

Ngày 23 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tụ.
2. Ông Nguyễn Đình Phúc.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Phương Thảo - thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hải - Kiểm sát viên.**

Trong các ngày 17 và 23/3/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 140/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Kim T; giới tính: Nam; sinh ngày 25/3/1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số: 07907302xxxx; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nơi đăng ký thường trú: 2 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở trước khi bị bắt: 4 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Hoàng V (đã chết) và bà Đồng Thị P (đã chết); Bị cáo là con thứ 06 trong gia đình có 08 người con; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 03/01/2025 đến nay. có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thụy Thùy V1; giới tính: Nữ; sinh ngày 16/5/1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số: 07918701xxxx; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nơi đăng ký thường trú: 290/29 đường H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở trước khi bị bắt: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Con ông Trần Tứ H (sinh năm 1963) và bà Đào Thị L (sinh năm 1963); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Chồng: Không có; Con: Có ba người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2025. Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 20/4/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 171/2016/HSST.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 25/10/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Nhật N; giới tính: Nam; sinh ngày 12/9/1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số: 07907202xxxx; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nơi đăng ký thường trú: 4 T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở trước khi bị bắt: 4 T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã chết); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 người con; Bị cáo có vợ là bà Nguyễn Thị Kim P1 (sinh năm 1982) và 01 người con sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 07/11/1997, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” (Bản án số 371/HSST). Đã chấp hành xong toàn bộ hình phạt, đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 03/01/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Tuấn H1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: B K, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lưu Phan Hoàng G, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: A L T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 27/12/2024, tổ Công tác gồm các anh Nguyễn Tuấn H1 và anh Lưu Phan Hoàng G (Công an phường T), tiến hành kiểm tra lưu trú tại nhà số D T, phường T, Quận A (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Hoàng Kim T, Trần Thụy Thùy V1, Nguyễn Nhật N có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên mời về trụ sở Công an Phường T, Quận A để làm rõ. Qua xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể: Hoàng Kim T, Trần Thụy Thùy V1, Nguyễn Nhật N đều dương tính với A và M (ma túy đá); T, V1 và Nguyễn K1 đã sử dụng ma túy tại nhà số D T nên Tổ công tác đã tiến hành bắt giữ T, V1 và N sau đó chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Công an, Hoàng Kim T khai nhận: T quen biết Nguyễn Nhật N từ nhỏ do ở gần nhà nhau. Từ ngày 25/11/2024 đến nay T thuê nhà của N trên lầu gác lửng của nhà số D T để cùng chung sống với Trần Thụy Thùy V1. Khoảng 17 giờ ngày 26/12/2024, do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy T cùng V1 thống nhất góp tiền mua ma túy về sử dụng chung. V1 góp 160.000 đồng, T góp 40.000 đồng. Sau đó, T đi bộ đến hông nhà số A H, phường Đ, Quận A (nay là phường T) để gặp “Cường” (không rõ lai lịch) mua 200.000 đồng tiền ma túy. Sau khi mua

được ma túy, T mang về nhà số D T để cùng V1 sử dụng. Tại đây, T gặp N nên rủ N cùng sử dụng ma túy, N đồng ý nên T lấy một ít ma túy ra cho N, số ma túy còn lại, T mang lên gác để cùng V1 sử dụng. Nguyên không sử dụng chung mà cầm xuống dưới nhà sử dụng một mình.

Nguyễn Nhật N khai nhận: N sử dụng ma túy từ năm 2019 cho đến ngày bị bắt giữ. Nguyên biết việc T thuê nhà sống cùng V1 và trước đó T có sử dụng ma túy, T đưa cho N bộ nỏ sử dụng ma túy và 02 lần cho N ma túy.

Trần Thụy Thùy V1 khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 26/12/2024, do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên V1 cùng T thống nhất góp tiền mua ma túy về sử dụng chung. V1 góp 160.000 đồng, T góp 40.000 đồng. Sau đó cả hai cùng nhau sử dụng ma túy bằng bộ nỏ do T tự chế vào khoảng 23 giờ cùng ngày tại trên lầu gác lửng của nhà số D T, phù hợp với lời khai của Hoàng Kim T. Việc T cho N ma túy, V1 không biết.

Lời khai của T, N và V1 phù hợp với nhau, phù hợp với các biên bản ghi nhận sự việc, biên bản tạm giữ đồ vật và xác nhận bản ảnh vật chứng thu giữ của T, N và V1; kết quả xét nghiệm T dương tính với ma túy loại Methamphetamine, N và V1 dương tính với ma túy loại A và Methamphetamine (ma túy đá); biên bản xác định địa điểm; biên bản đối chất, nhận dạng của T, N và V1 với nhau; cùng các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập.

Đối với đối tượng tên “Cường” bán ma túy cho T, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Về vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chai nhựa bên trên có gắn ống hút nhựa màu đỏ trắng và một ống thủy tinh cong đầu tròn (là phương tiện để T và V1 cùng nhau sử dụng ma túy).

- 01 (một) chai nhựa bên trên có gắn ống hút nhựa màu vàng và một ống thủy tinh cong đầu tròn (là phương tiện để N sử dụng ma túy do T cho N từ trước).

Thu giữ của Hoàng Kim T:

- 01 (một) điện thoại di động REALME màu đen số IMEI 1: 867013043193635, IMEI 2: 867013043193627. Đây là tài sản cá nhân của T không liên quan đến vụ án.

Thu giữ của Nguyễn Nhật N:

- 01 (một) điện thoại di động Samsung màu trắng IMEI 1: 352700077982477/01, IMEI 2: 352701077982475/01. Đây là tài sản cá nhân của N không liên quan đến vụ án.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen, IMEI: 012417007411830. Đây là tài sản cá nhân của N không liên quan đến vụ án.

Hiện các vật chứng đang được Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ và Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định chuyển vật chứng cho Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1 theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 93 /CT-VKS-KV1 ngày 25 tháng 11 năm 2025 và Văn bản số 80/VKS-HS ngày 10/02/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Hoàng Kim T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b, d khoản 2, khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Thụy Thùy V1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1, khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Nhật N về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, d khoản 2, khoản 3 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Kim T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b, d khoản 2, khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Trần Thụy Thùy V1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Nguyễn Nhật N phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, d khoản 2, khoản 3 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đồng thời áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra khi phạm tội, bị cáo V1 đang mang thai nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội là phụ nữ có thai” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, b, d khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Hoàng Kim T 09 đến 10 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Thụy Thùy V1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật N từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không phạt bổ sung các bị cáo.

Đối với vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Bị cáo Hoàng Kim T khai: Bị cáo thừa nhận đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy như Cáo trạng truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù

hợp với nội dung bản cáo trạng, không bào chữa, không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Trần Thụy Thùy V1 khai: Bị cáo thừa nhận đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy như Cáo trạng truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng, không bào chữa, không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Nhật N: Bị cáo thừa nhận đã cho Hoàng Kim T và Trần Thụy Thùy V1 thuê nhà để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy từ 02 lần trở lên như Cáo trạng truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng, không bào chữa, không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng: Những người này đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng, không ảnh hưởng đến việc xét xử; lời khai của họ đã được thu thập trong quá trình điều tra. Tại phiên tòa, các bị cáo đều đồng ý xét xử vắng mặt người làm chứng. Vì vậy, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định pháp luật.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Hoàng Kim T, Nguyễn Nhật N và Trần Thụy Thùy V1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người làm chứng trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Vào 10 giờ 50 phút ngày 27/12/2024, tại nhà số D T, phường T, Quận A (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, Hoàng Kim T và Trần Thụy Thùy V1 có hành vi cùng nhau hùn tiền mua ma túy đá, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy, sử dụng nơi ở của mình thuê từ Nguyễn Nhật N để cùng nhau sử dụng ma túy từ 02 lần trở lên, hơn nữa khi cùng sử dụng ma túy với V1, T biết rõ V1 đang mang thai đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Nguyễn Nhật N biết rõ T thuê căn gác trên để ở cùng V1 và để sử dụng ma túy từ 02 lần trở lên. Ngoài ra N cũng dương tính với ma túy do T cung cấp, nhưng không sử dụng chung với T và V1. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, đồng thời, các bị cáo thống nhất với luận tội, lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Ma túy (nói chung) là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy không chỉ gây thiệt hại về tài sản của gia đình, xã hội mà còn gây tổn hại đến chính sức khỏe, thậm chí là tính mạng của người sử dụng. Người thường xuyên sử dụng ma túy sẽ bị rối loạn nhân cách, không làm chủ được hành vi, là nguyên nhân dẫn tới nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Chính vì vậy, pháp luật của Nhà nước ta nghiêm cấm việc tàng trữ, mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, sẽ bị nghiêm trị nhưng chỉ vì muốn thỏa mãn ham muốn cá nhân nên vẫn cố ý vi phạm. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, gây nguy hại đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia; xâm phạm hoạt động của Nhà nước trong việc quản lý và kiểm soát các chất ma túy. Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng và rất nghiêm trọng nên cần cách ly khỏi xã hội với thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Hoàng Kim T và Trần Thụy Thùy V1: Không có.

Đối với bị cáo Nguyễn Nhật N: Bị cáo biết rõ Trần Thụy Thùy V1 là phụ nữ đang mang thai nhưng vẫn cho Hoàng Kim T và Trần Thụy Thùy V1 thuê, sử dụng phần nhà của mình làm địa điểm để tổ chức và thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp tạo điều kiện cho việc sử dụng trái phép chất ma túy đối với phụ nữ có thai, xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của người đang mang thai và tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến thai nhi, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội.

Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Nhật N bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phụ nữ có thai” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Kim T, Trần Thụy Thùy V1 và Nguyễn Nhật N đều thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, góp phần làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Ngoài ra khi phạm tội, bị cáo V1 đang mang thai nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội là phụ nữ có thai” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân:

Đối với bị cáo Hoàng Kim T: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp, không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Trước khi phạm tội, bị cáo không có vi phạm pháp luật nào khác. Tuy nhiên, bị cáo nhận thức được việc sử dụng ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Đối với bị cáo Trần Thụy Thùy V1: Ngày 20/4/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 1 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 171/2016/HSST. Mặc dù tại thời điểm phạm tội lần này bị cáo không có tiền án, tiền sự (do đã được xóa án tích) nhưng bị cáo đã từng bị xử lý hình sự về tội phạm ma túy, không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém.

Đối với bị cáo Nguyễn Nhật N: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản công dân” theo Bản án số 371/HSST ngày 07/11/1997 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình (Tòa án nhân dân Khu vực 1), Thành phố Hồ Chí Minh, đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên điều này thể hiện bị cáo từng có quá trình vi phạm pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao. Bị cáo có gia đình, có vợ và một con sinh năm 2007, song không tu dưỡng bản thân, vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy và tạo điều kiện cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi ở của mình.

Do đó cần phải có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh về việc không phạt bổ sung các bị cáo là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) chai nhựa bên trên có gắn ống hút nhựa màu đỏ trắng và một ống thủy tinh cong đầu tròn; 01 (một) chai nhựa bên trên có gắn ống hút nhựa màu vàng và một ống thủy tinh cong đầu tròn. Xét là phương tiện hỗ trợ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với vật chứng thu giữ của Hoàng Kim T: 01 (một) điện thoại di động REALME màu đen số IMEI 1: 867013043193635, IMEI 2: 867013043193627. Xét là tài sản cá nhân của T không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với vật chứng thu giữ của Nguyễn Nhật N: 01 (một) điện thoại di động Samsung màu trắng IMEI 1: 352700077982477/01, IMEI 2: 352701077982475/01 và 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen, IMEI: 012417007411830. Xét là tài sản cá nhân của N không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 136/2026 ngày 26/01/2026).

[10] Đối với đối tượng tên “Cường” bán ma túy cho T, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[11] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Kim T, Trần Thụy Thùy V1, Nguyễn Nhật N, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b, d khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Hoàng Kim T 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2025.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Thụy Thùy V1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2025.

3. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật N 08 (tám) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2025.

4. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) chai nhựa bên trên có gắn ống hút nhựa màu đỏ trắng và một ống thủy tinh cong đầu tròn; 01 (một) chai nhựa bên trên có gắn ống hút nhựa màu vàng và một ống thủy tinh cong đầu tròn.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Kim T: 01 (một) điện thoại di động REALME màu đen số IMEI 1: 867013043193635, IMEI 2: 867013043193627.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Nhật N: 01 (một) điện thoại di động Samsung màu trắng IMEI 1: 352700077982477/01, IMEI 2: 352701077982475/01 và 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen, IMEI: 012417007411830.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 136/2026 ngày 26/01/2026).

5. Căn cứ Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc mỗi bị cáo Hoàng Kim T, Trần Thụy Thùy V1 và Nguyễn Nhật N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Các Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Công an TP. Hồ Chí Minh (CQCSĐT - PV06);
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 1 - TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam C - Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, HS.

Nguyễn Hồng Hạnh